

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG
BINH VÀ XÃ HỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3399/LĐTBXH-VL

Hà Nội, ngày 31 tháng 8 năm 2022

*V/v tổng kết thực hiện Quyết
định số 08/2022/QĐ-TTg về
chính sách hỗ trợ tiền thuê
nhà cho người lao động*

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Thực hiện Quyết định số 08/2022/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động (Quyết định số 08/2022/QĐ-TTg), Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổng kết thực hiện chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động theo quy định tại Quyết định số 08/2022/QĐ-TTg và các văn bản liên quan theo đề cương kèm theo.

Báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đề nghị gửi về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội **trước ngày 10/9/2022** để tổng hợp chung, báo cáo Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Sở LĐTBXH tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Lưu: VT, VL.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Văn Thanh

ĐỀ CƯƠNG

BÁO CÁO TỔNG KẾT QUYẾT ĐỊNH SỐ 08/2022/QĐ-TTG
(Kèm theo công văn số 3399/LĐTBOXH-VL ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

I. TÌNH HÌNH LAO ĐỘNG, VIỆC LÀM 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

- Tình hình phát triển doanh nghiệp, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế trên địa bàn.

- Tình hình lao động đang làm việc trên địa bàn; trong đó lao động làm việc trong doanh nghiệp, tại các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế.

- Tình hình thiếu hụt lao động và kết quả khắc phục tình trạng thiếu hụt lao động trên địa bàn trong 6 tháng đầu năm 2022.

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TỔ CHỨC TRIỂN KHAI QUYẾT ĐỊNH SỐ 08/2022/QĐ-TTG

1. Tình hình triển khai

1.1. Công tác xây dựng kế hoạch và hướng dẫn thực hiện

1.2. Công tác thông tin, tuyên truyền

1.3. Công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra

2. Kết quả thực hiện

2.1. Kết quả chung

- Nêu rõ đối tượng, kinh phí thực hiện và thời gian kết thúc thực hiện giải ngân.

- Nêu rõ nguyên nhân có sự chênh lệch về kết quả thực hiện với số đối tượng và dự kiến nhu cầu kinh phí đã đề xuất theo yêu cầu công văn số 1518/LĐTBOXH-VL ngày 12/5/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về dự kiến số lượng và nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động.

2.2. Kết quả chính sách hỗ trợ người lao động đang làm việc

(Nêu rõ đối tượng, kinh phí thực hiện, so sánh với dự kiến nhu cầu)

2.3. Kết quả chính sách hỗ trợ người lao động quay trở lại thị trường lao động

(Nêu rõ đối tượng, kinh phí thực hiện, so sánh với dự kiến nhu cầu)

2.4. Kết quả mở rộng đối tượng so với Quyết định số 08/2022/QĐ-TTg *(nếu có; nêu rõ văn bản, đối tượng mở rộng và kinh phí thực hiện)*

2.5. Kết quả rà soát, tổ chức thực hiện sau ngày 15/8/2022 *(Nêu rõ: Sau ngày 15/8/2022 còn người lao động thuộc đối tượng hỗ trợ không? Nếu còn nêu rõ số lượng, lý do chưa được hỗ trợ và đề xuất hướng xử lý).*

3. Đánh giá

3.1. Mặt được

3.2. Tồn tại, hạn chế

3.3. Nguyên nhân

III. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đề xuất kiến nghị với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

2. Đề xuất kiến nghị với các Bộ ngành liên quan.

(Đề nghị cung cấp đầy đủ số liệu theo phụ lục)



KẾT QUẢ THỰC HIỆN

Chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động theo quy định của Quyết định số 08/2022/QĐ-TTg

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số đề nghị		Số phê duyệt	Số đã giải ngân
			Số lượng	Tỷ lệ so với số dự kiến nhu cầu*		
1	LAO ĐỘNG ĐANG LÀM VIỆC TRONG DOANH NGHIỆP					
1.1	Doanh nghiệp	DN				
	Trong đó: doanh nghiệp trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế	DN				
1.2	Người lao động	Người				
	Trong đó:					
	- Lao động trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế	Người				
	- Lao động là người nước ngoài	Người				
1.3	Kinh phí hỗ trợ	Nghìn đồng				
2	QUAY TRỞ LẠI THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG					
2.1	Người sử dụng lao động					
A	Doanh nghiệp	DN				
	Trong đó: doanh nghiệp trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế					
b	Hợp tác xã	HTX				
c	Hộ kinh doanh	HKD				
2.2	Người lao động	Người				
a	Người lao động trong doanh nghiệp	Người				

	Trong đó:					
	- Lao động trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế	Người				
	- Lao động là người nước ngoài	Người				
b	Người lao động trong hợp tác xã	Người				
c	Người lao động trong hộ kinh doanh	Người				
2.3	Kinh phí hỗ trợ	Nghìn đồng				
3	MỞ RỘNG ĐỐI TƯỢNG (Nếu có)					
3.1	Người sử dụng lao động (DN, HTX, HKD)	NSDLĐ				
3.2	Người lao động	Người				
3.3	Kinh phí hỗ trợ	Nghìn người				
4	TỔNG CỘNG					
4.1	Người sử dụng lao động (1.1+2.1+3.1)	NSDLĐ				
4.1	Người lao động (1.2+2.2+3.2)	Người				
4.1	Kinh phí hỗ trợ (1.3+2.3+3.3)	Nghìn đồng				

(Ghi chú: * so với dự kiến nhu cầu tại thời điểm tháng 5/2022)

DANH SÁCH GỬI CÔNG VĂN

(Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội 60 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)

1. An Giang	21. Gia Lai	41. Ninh Bình
2. Bà Rịa - Vũng Tàu	22. Hà Giang	42. Ninh Thuận
3. Bắc Giang	23. Hà Nam	43. Phú Thọ
4. Bắc Kạn	24. Hà Nội	44. Phú Yên
5. Bạc Liêu	25. Hà Tĩnh	45. Quảng Bình
6. Bắc Ninh	26. Hải Dương	46. Quảng Nam
7. Bến Tre	27. Hải Phòng	47. Quảng Ngãi
8. Bình Định	28. Hậu Giang	48. Quảng Ninh
9. Bình Dương	29. Hòa Bình	49. Quảng Trị
10. Bình Phước	30. Hưng Yên	50. Sóc Trăng
11. Bình Thuận	31. Khánh Hòa	51. Sơn La
12. Cà Mau	32. Kiên Giang	52. Tây Ninh
13. Cần Thơ	33. Kon Tum	53. Thái Bình
14. Yên Bái	34. Vĩnh Long	54. Thái Nguyên
15. Đà Nẵng	35. Lâm Đồng	55. Thanh Hóa
16. Đắk Lắk	36. Lạng Sơn	56. Thừa Thiên Huế
17. Đắk Nông	37. Lào Cai	57. Tiền Giang
18. Vĩnh Phúc	38. Long An	58. Thành phố Hồ Chí Minh
19. Đồng Nai	39. Nam Định	59. Trà Vinh
20. Đồng Tháp	40. Nghệ An	60. Tuyên Quang